FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (HSX: TLD)

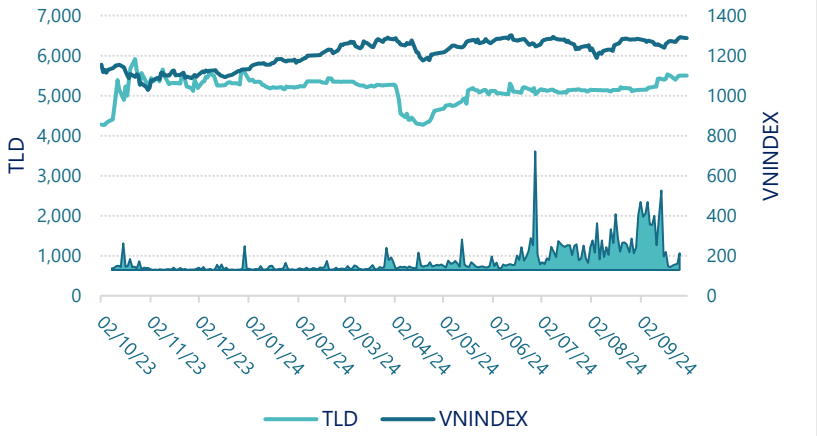

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,913
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,269
SL cổ phiếu LH	77,741,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	166,335
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	428
P/E	22.7
EPS	242

DT thuần

Q3/24

146

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.0| -13.1%

YoY: ▲ 113| 346%

LN sau thuế

Q3/24

4.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.14| -41.9%

YoY: ▲ 3.81| 692%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

5.0%

+/- YoY: ▼ 7.2%

DT thuần

9T 2024

425

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 228| 115%

LN sau thuế

9T 2024

14.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.6| 405%

ROE

Q3/24

2.3%

+/- YoY: ▲ 1.7%

Kết quả kinh doanh

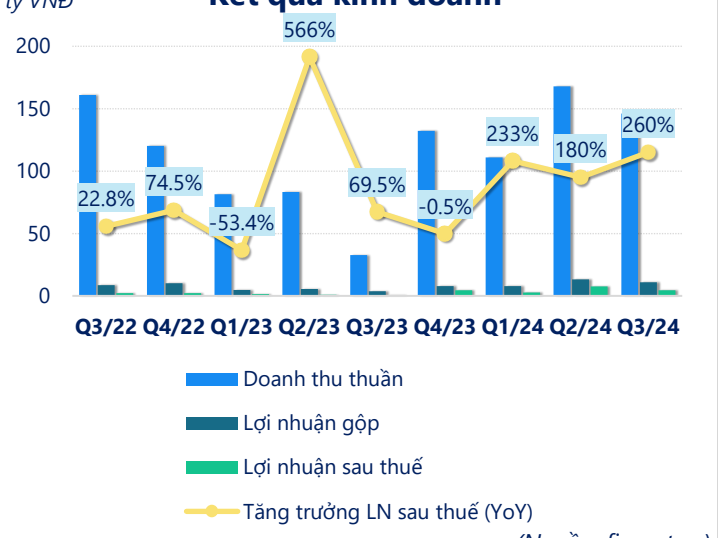

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

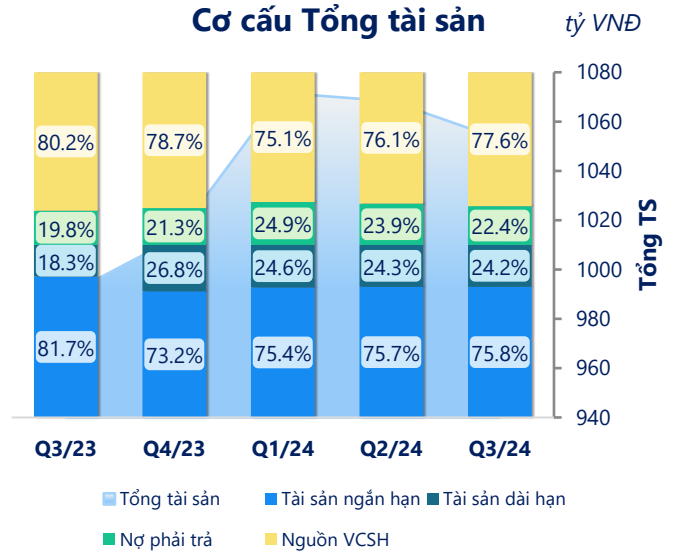

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

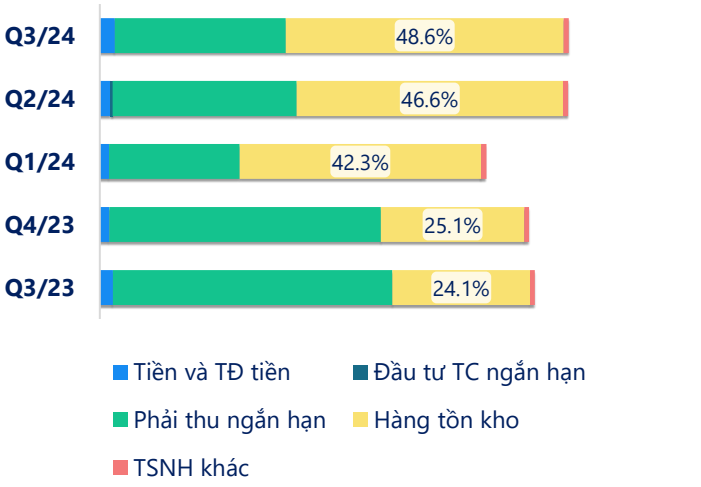

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

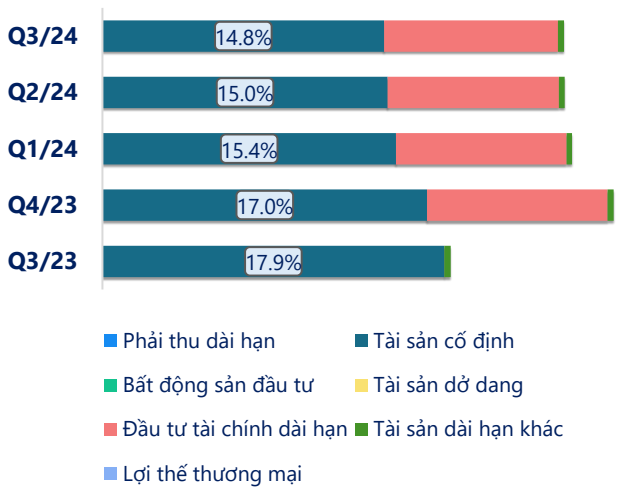

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

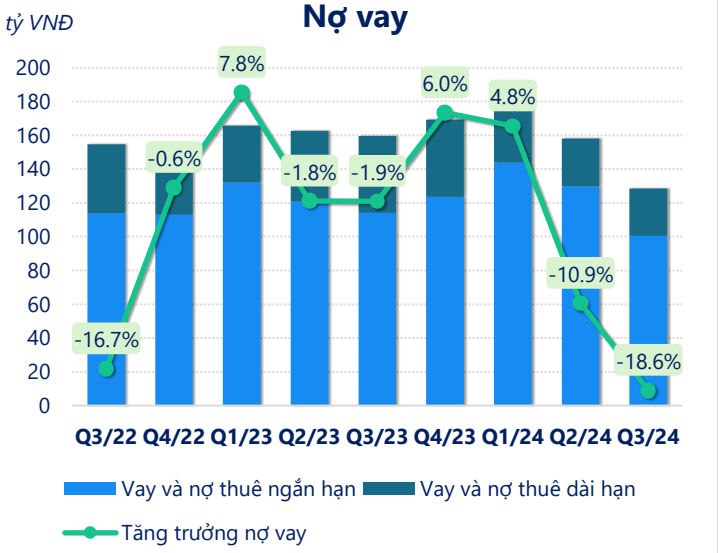

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

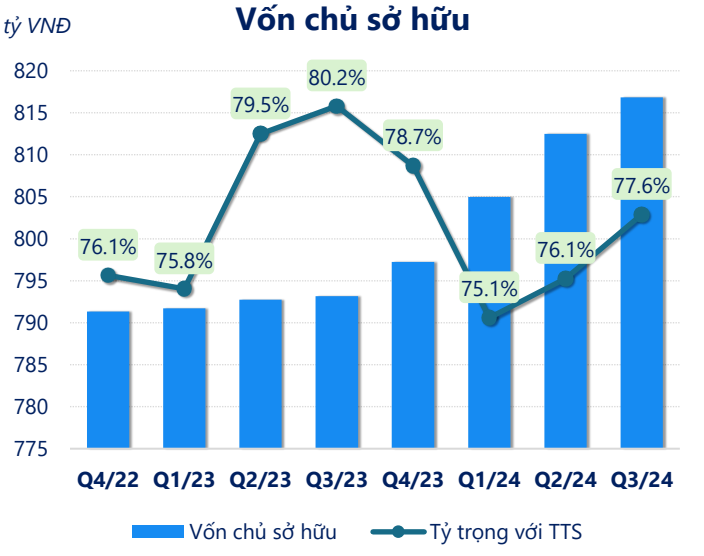

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

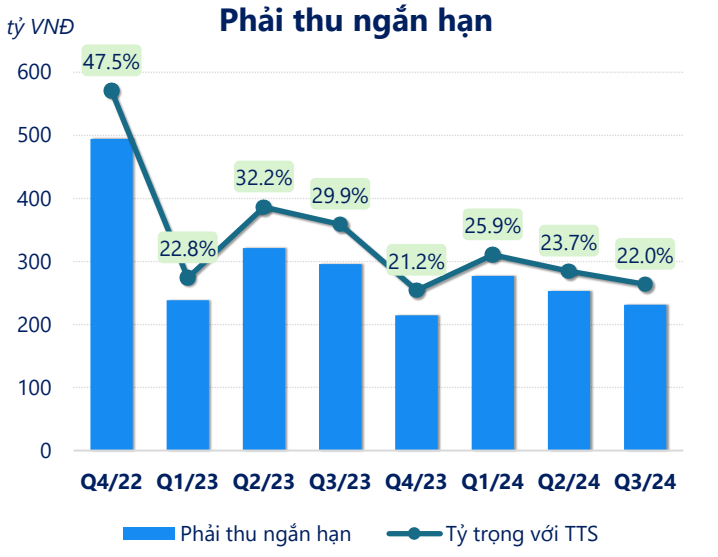

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

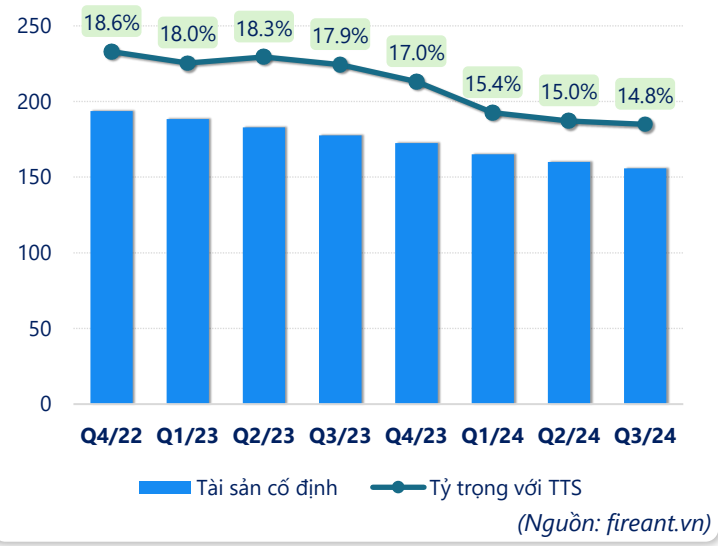

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

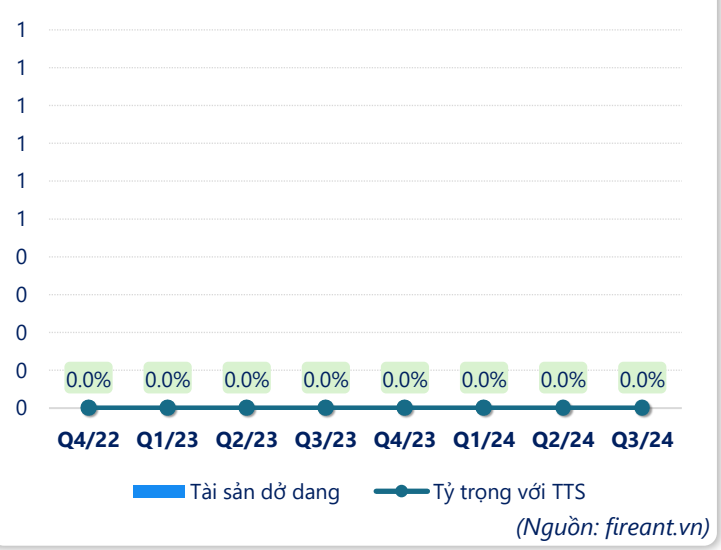

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

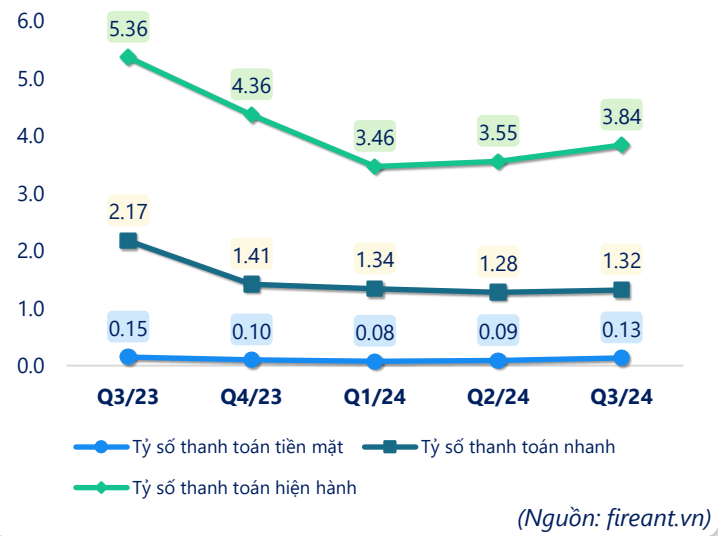

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

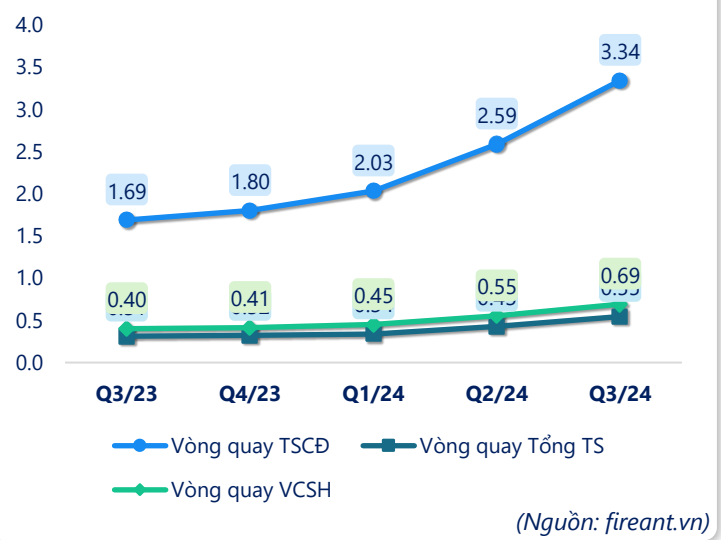

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**989**	**1,013**	**1,072**	**1,068**	**1,053**
Tài sản ngắn hạn	**809**	**741**	**807**	**809**	**798**
Tiền và tương đương tiền	22.4	16.9	17.6	19.9	27.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	10.3	10.6	8.63
Phải thu ngắn hạn	296	214	277	253	231
Hàng tồn kho	481	501	496	519	524
Tài sản ngắn hạn khác	9.02	8.76	6.81	6.68	6.30
Tài sản dài hạn	**181**	**272**	**264**	**259**	**255**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	178	173	165	160	156
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	96.0	96.0	96.0	96.0
Tài sản dài hạn khác	3.35	3.20	3.06	3.31	3.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**196**	**215**	**267**	**256**	**236**
Nợ ngắn hạn	**151**	**170**	**233**	**228**	**208**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	114	124	144	130	100
Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	24.4	74.6	90.5	99.1
Nợ dài hạn	45.5	45.5	33.6	28.1	28.1
Vay và nợ thuê dài hạn	45.5	45.5	33.6	28.1	28.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**793**	**797**	**805**	**812**	**817**
Vốn chủ sở hữu	**793**	**797**	**805**	**812**	**817**
Vốn điều lệ	748	748	748	777	777
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)